

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Bà Phạm Thị Bích Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Minh Th**, sinh năm 1991. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 249 ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Tiến M**, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH 2, xã HP, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 08-8-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Minh Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh Th và anh Nguyễn Tiến M có tổ chức tiệc cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CT, tỉnh Bến Tre vào ngày 30-7-2018.

Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị Th và anh M sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M hay cờ bạc dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không ai biết. Vợ chồng chị Th và anh M đã ly thân từ tháng 10-2021 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng chị Th và anh M có 01 (một) người con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12-5-2018. Hiện tại, cháu Đ đang sống chung với anh M.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Nay chị Trần Thị Minh Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tiến M.

- Về con chung: Chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12-5-2018 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 (mười tám) tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn anh Nguyễn Tiến M do bà Phan Thị Kim N là mẹ ruột anh M nhận thay. Tại biên bản xác minh ngày 07-3-2023 bà N trình bày: Hiện nay anh Nguyễn Tiến M đang ở chung với bà, khi bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thì bà đều thông báo cho anh M biết, đối với yêu cầu của chị Th ghi trong đơn khởi kiện thì anh M đồng ý và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bà không cho anh M lên Tòa án giải quyết ly hôn mà bà cho chị Th đơn phương ly hôn với lý do bà đã tạo mọi điều kiện cho chị Th sinh sống với anh M nhưng chị Th lại tự ý bỏ đi, bỏ lại con cho anh M nuôi dưỡng, chị Th không đủ tư cách làm dâu nhà bà.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Minh Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến M. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12-5-2018 cho anh Nguyễn Tiến M trực tiếp nuôi dưỡng, không

yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Minh Th và bị đơn anh Nguyễn Tiến M. Tuy nhiên, chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tiến M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Minh Th và anh Nguyễn Tiến M.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Minh Th và anh Nguyễn Tiến M tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Th và anh M đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CT, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30-7-2018, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc và đã có con chung với nhau, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh M.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Trần Thị Minh Th và anh Nguyễn Tiến M hiện nay đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Trần Thị Minh Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến M để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh M có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12-5-2018, hiện nay cháu Đ đang sống chung với anh M. Theo đơn khởi kiện chị Th đồng ý giao cháu Đ cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, anh M cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Nhằm ổn định, không làm xáo trộn môi trường sống, học hành của cháu Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Minh Đ cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Th không ai được quyền ngăn cản chị Th thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Minh Th phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Tiến M không phải chịu án phí.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 47; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến M.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12-5-2018 cho anh Nguyễn Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Minh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Trần Thị Minh Th không ai được quyền ngăn cản chị Trần Thị Minh Th thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Minh Th phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005286 ngày 14-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, chị Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã TL, huyện CT, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn